



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2024

CTCP Sonadezi Châu Đức

Ngày 31/03/2024	44,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0.7%	20.2%	51.6%

DT thuần Q1/24
214
tỷ VNĐ
QoQ: ▼45.0 -17.5%
YoY: ▲ 151 238%

LN thuần Q1/24
82.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 17.9 27.6%
YoY: ▲ 68.2 467%

LN sau thuế Q1/24
65.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 9.00 16.0%
YoY: ▲ 53.3 452%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/24
43.0%
YoY: +/-▲ 13.3%

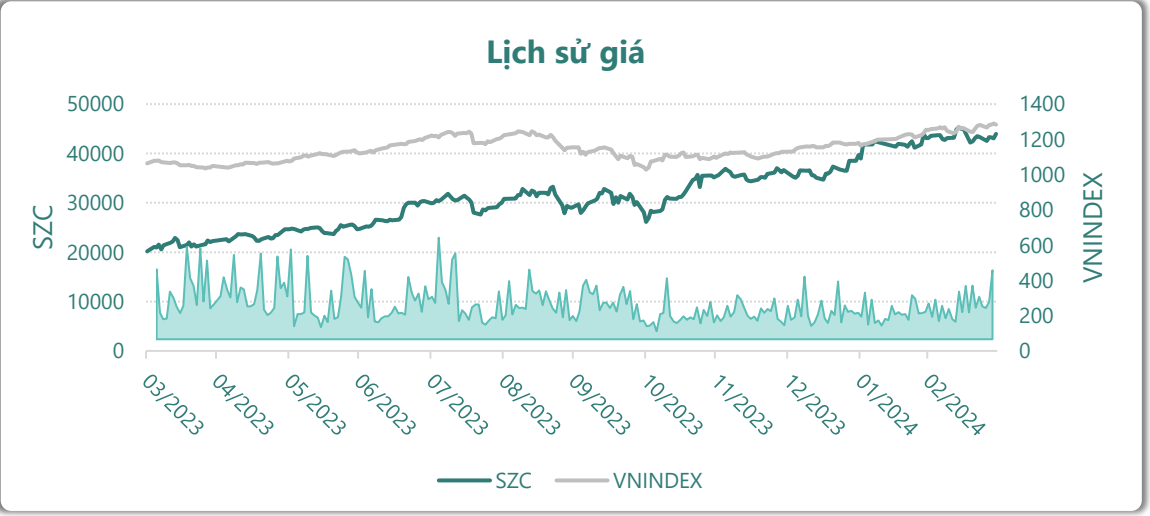
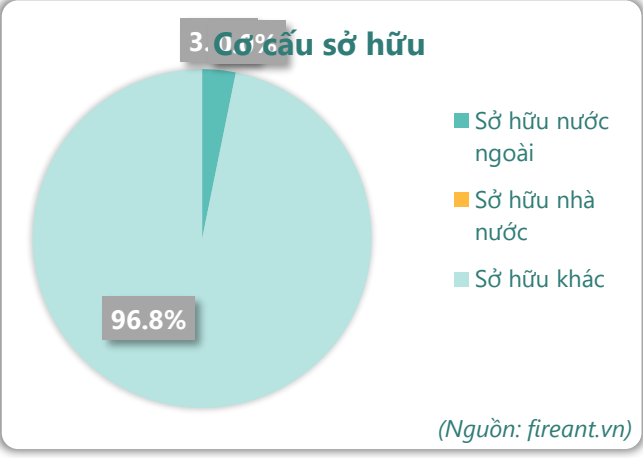
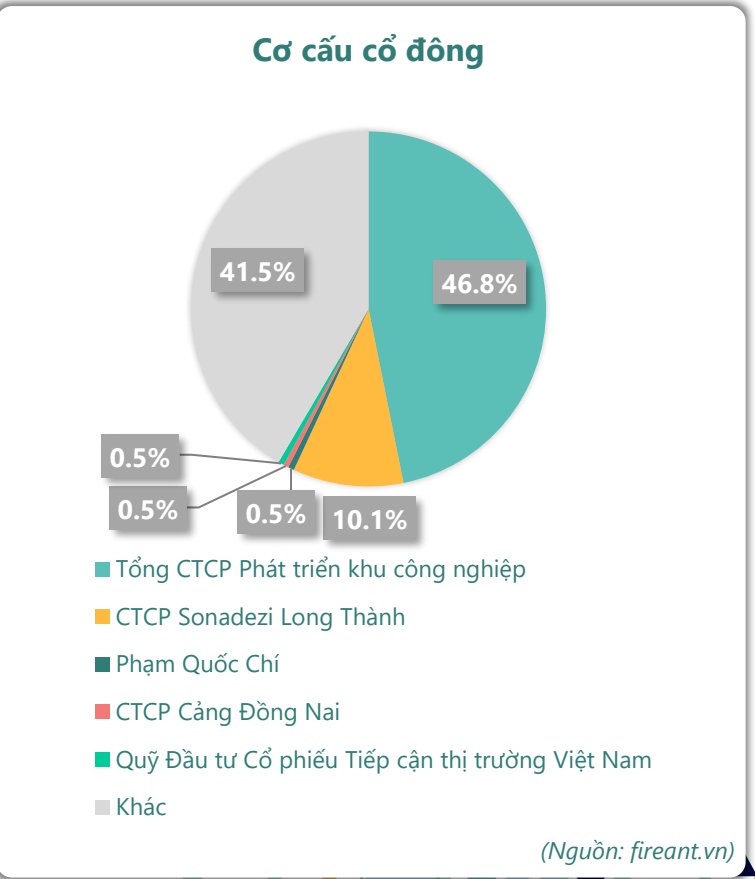
ROE (TTM) Q1/24
12.1%
YoY: +/-▼ 1.3%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	20,183 - 45,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	7,919
Số lượng CPLH (CP)	179,985,863
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,925,870
Sở hữu nước ngoài	3.2%
Beta	1.53
EPS	1,515
P/E	29.1

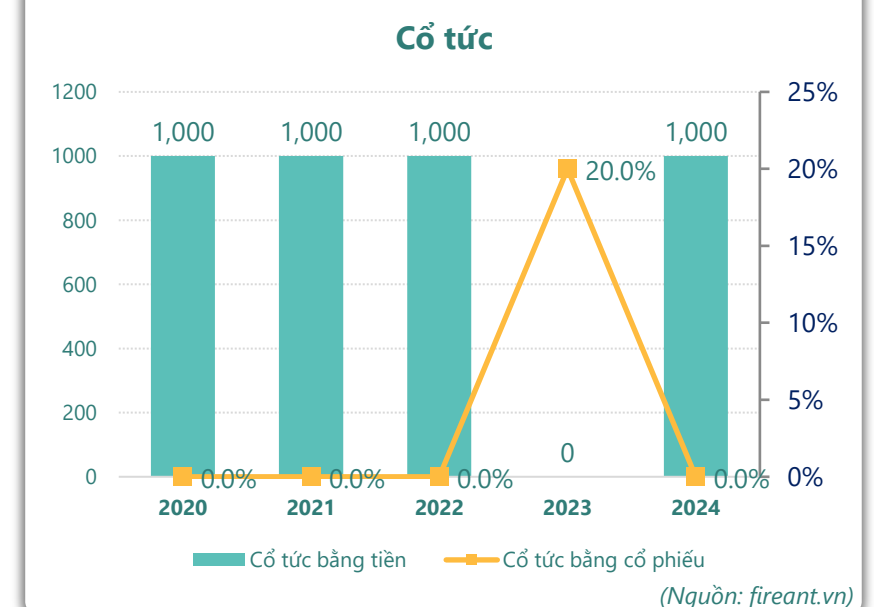
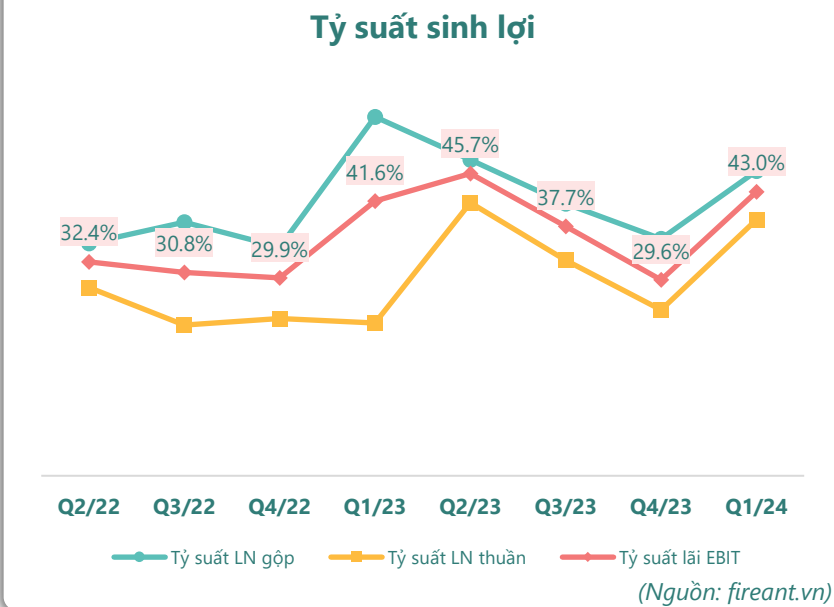
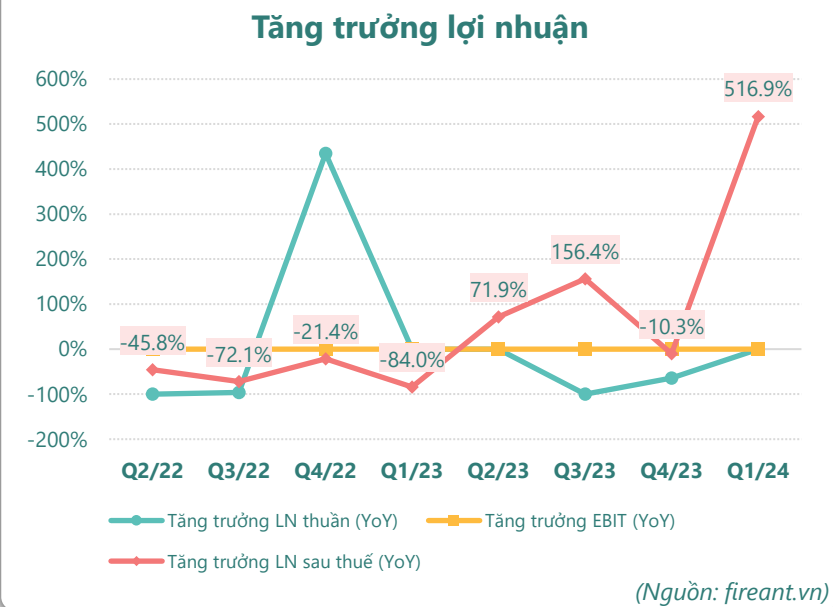
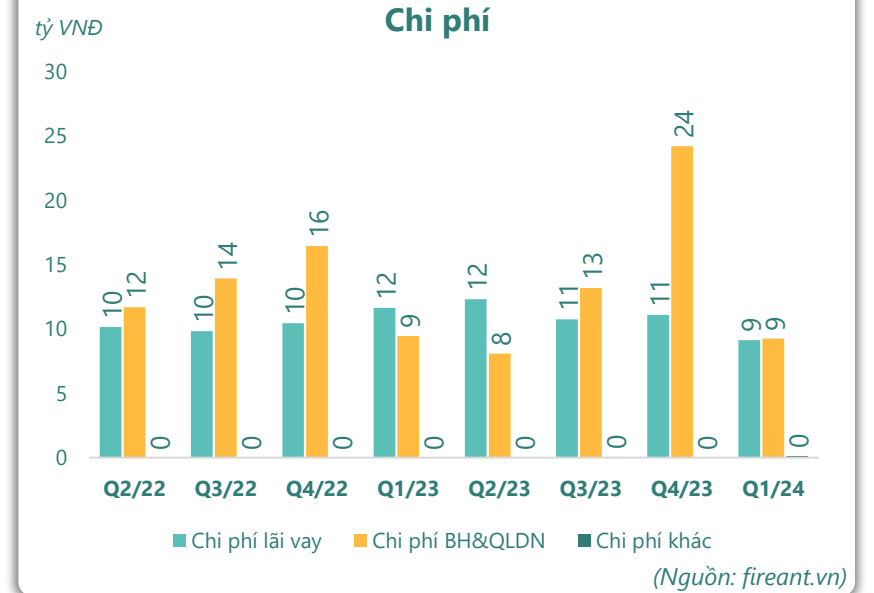
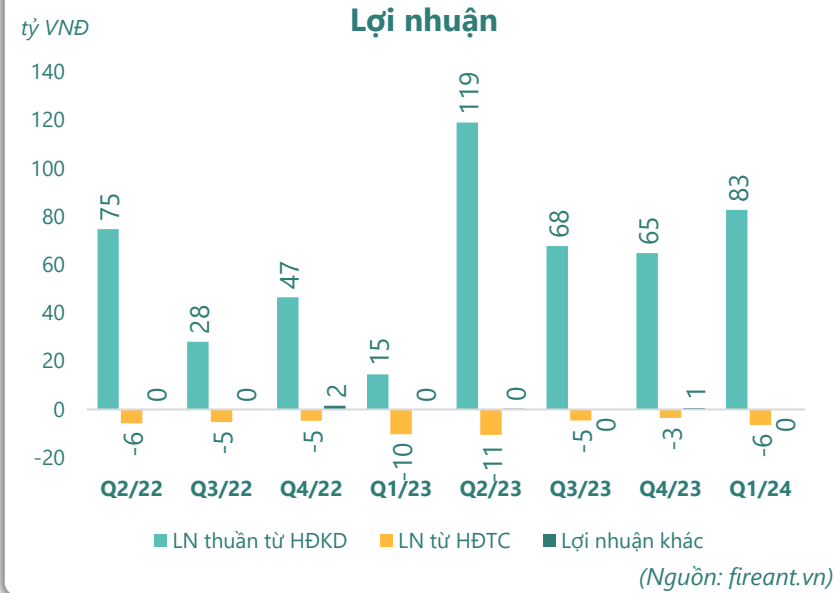
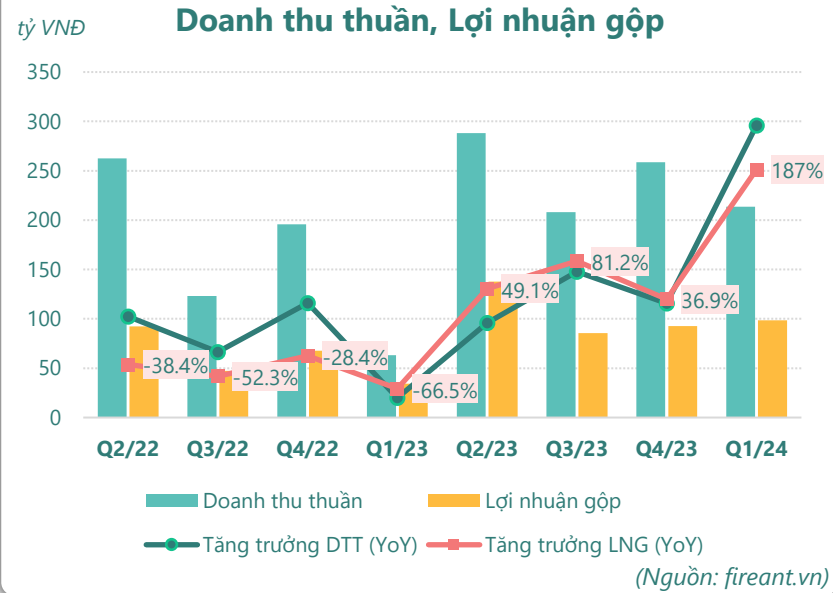
DT thuần 2023
818
tỷ VNĐ
YoY: ▼41.0 -4.8%

LN thuần 2023
266
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 23.0 9.8%

LN sau thuế 2023
219
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 22.0 10.9%



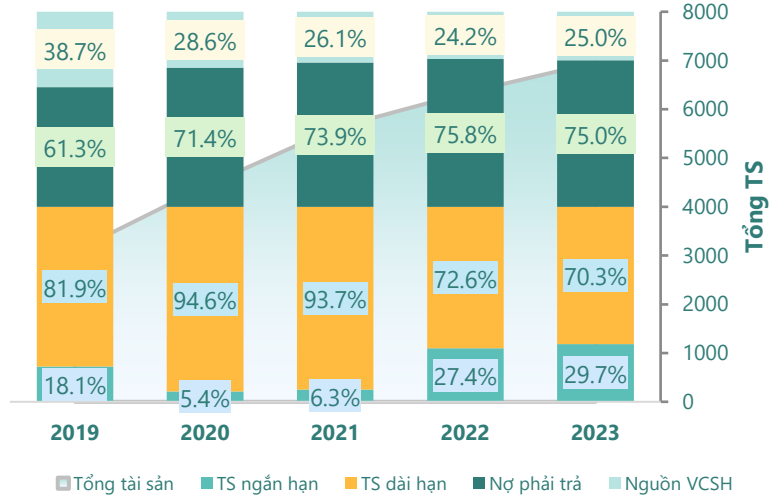
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

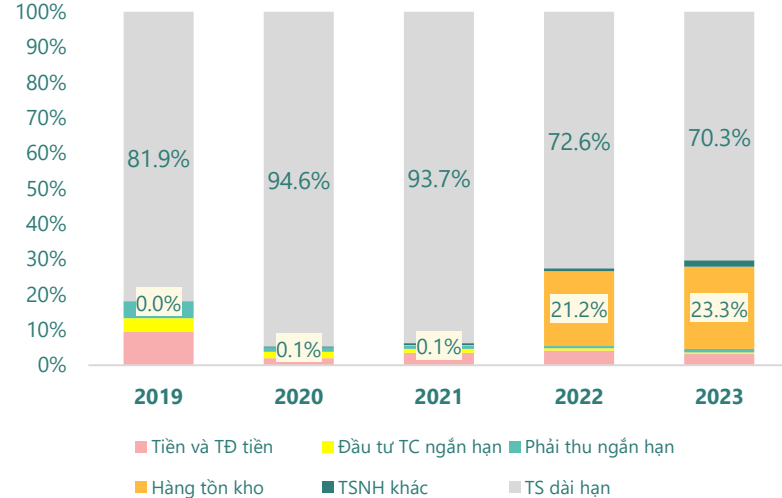
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

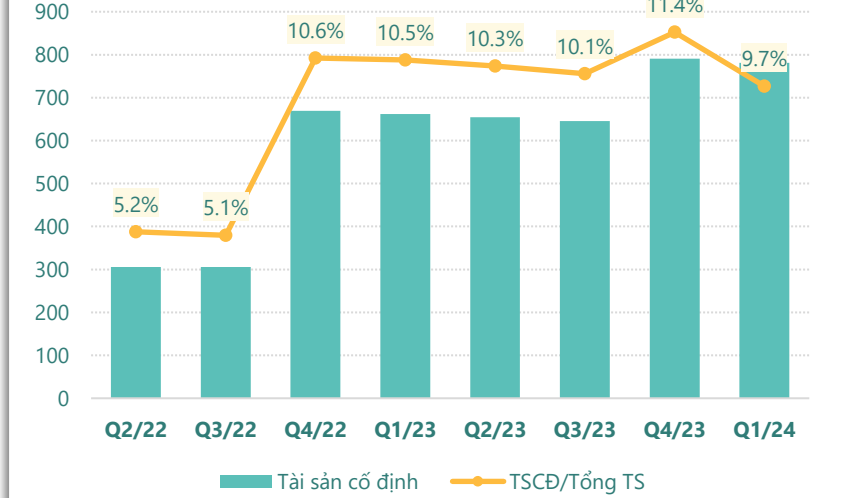
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

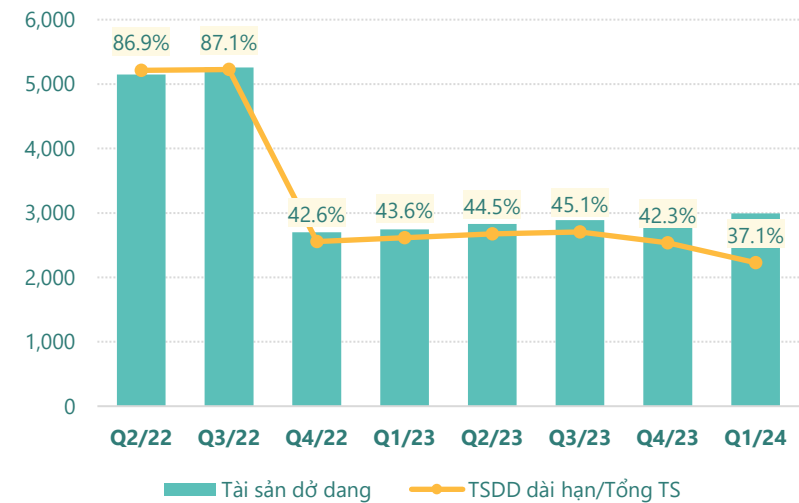
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

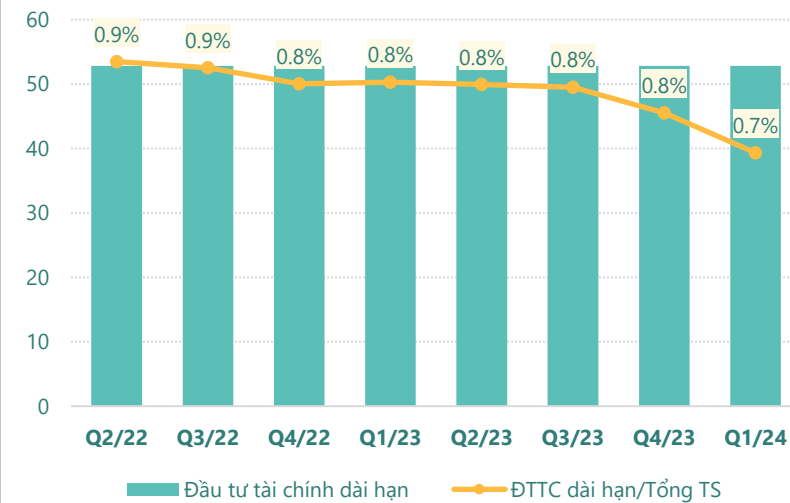
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

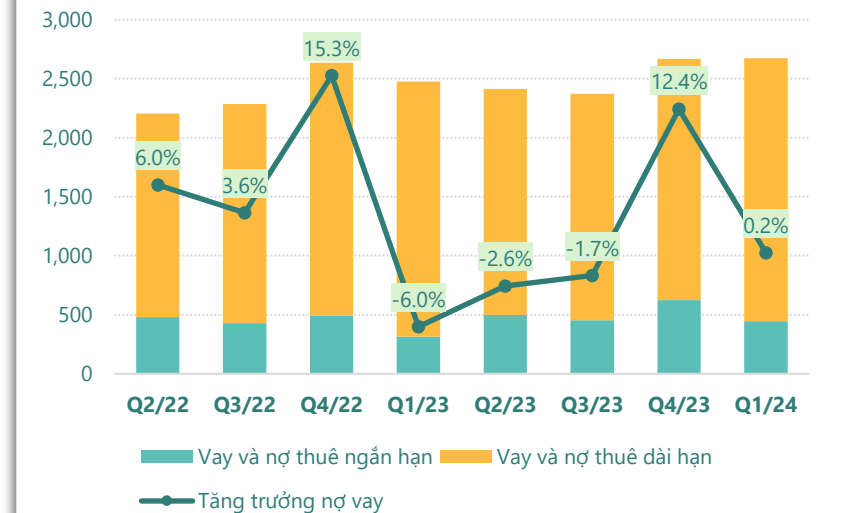
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

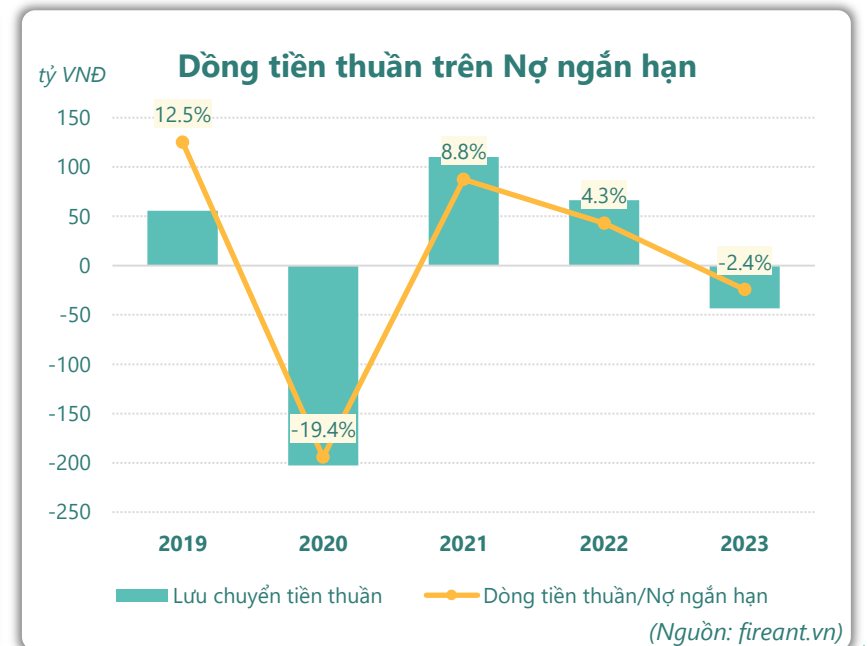
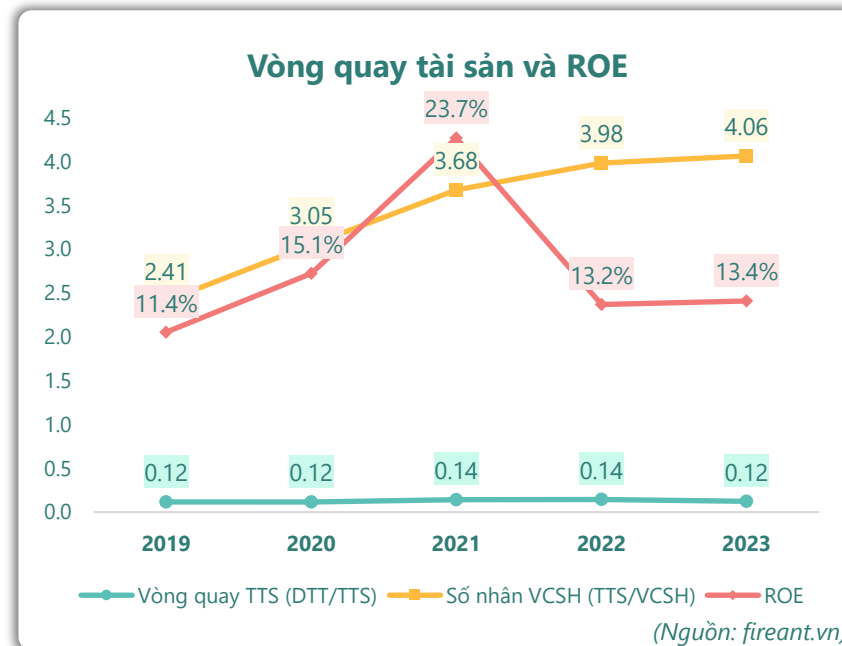
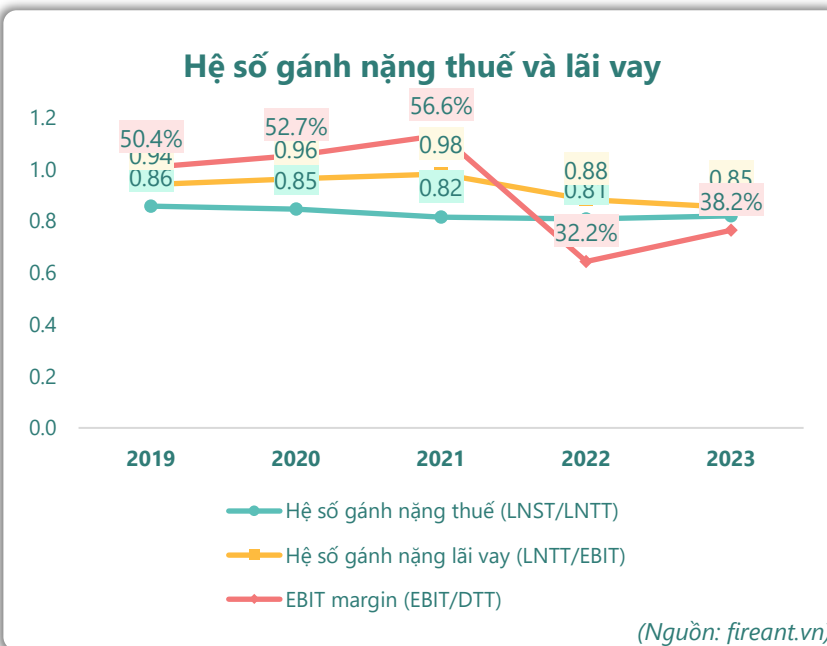
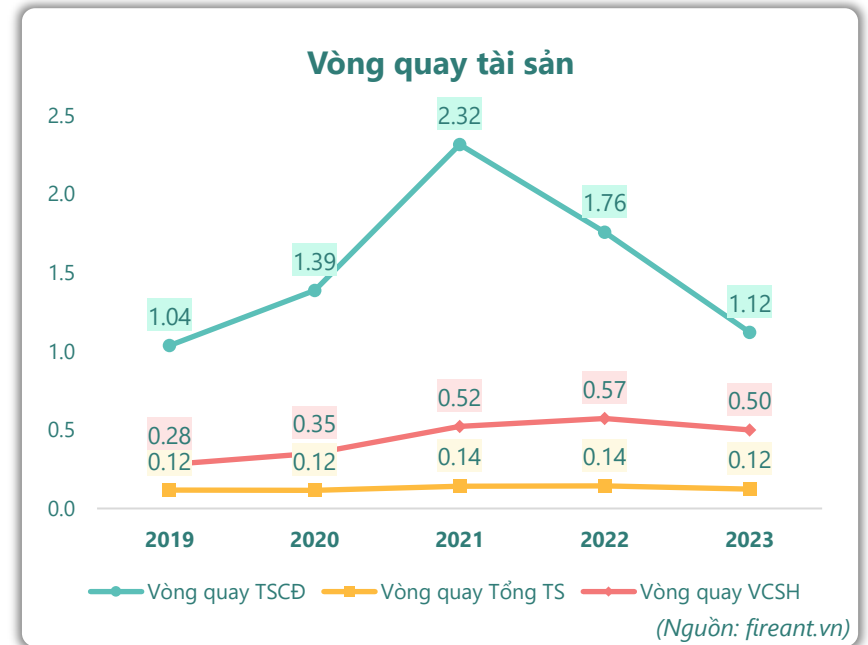
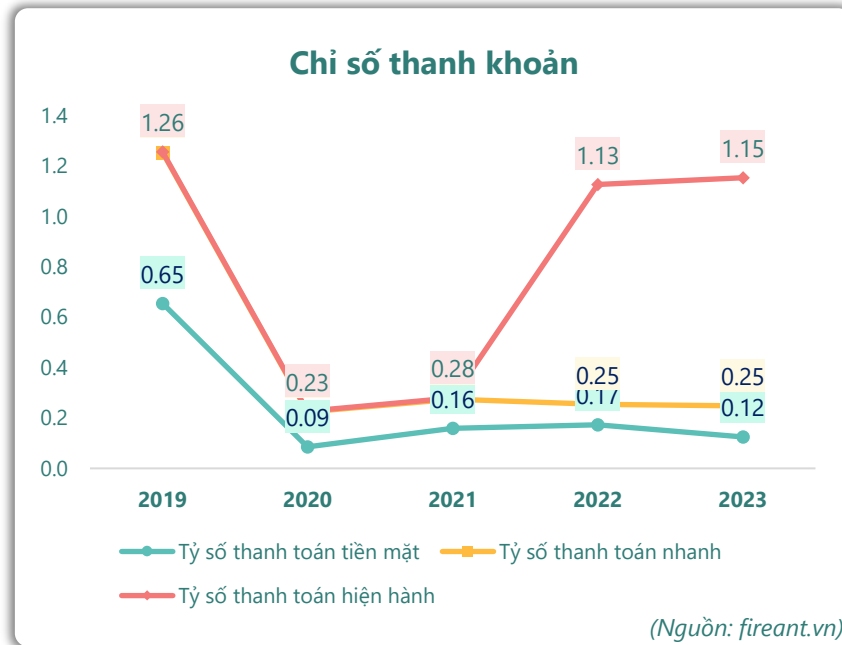
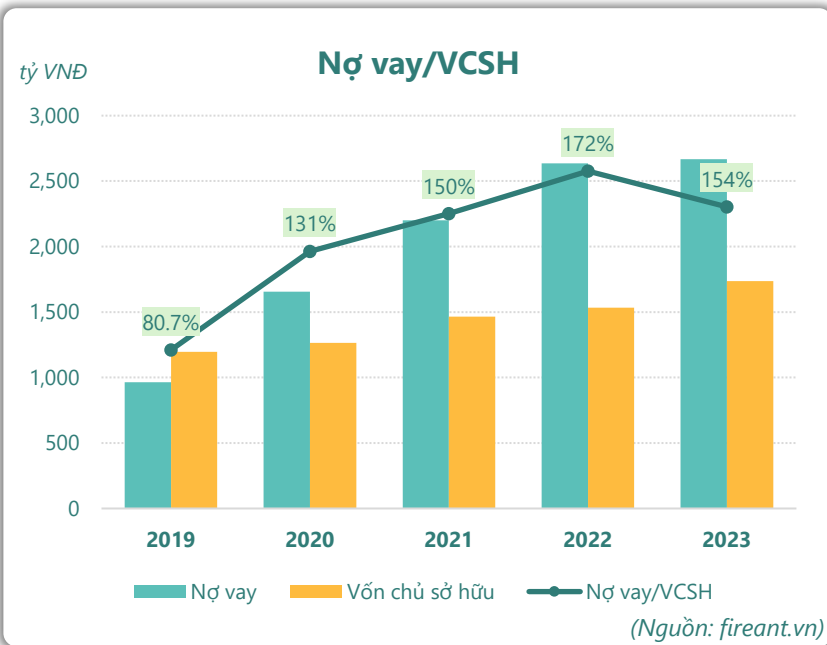
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	214	63.2	238%	818	859	-4.8%
Giá vốn hàng bán	115	28.9	299%	468	549	-14.9%
Lợi nhuận gộp	98.5	34.3	187%	350	310	13.1%
Doanh thu HĐTC	2.94	1.43	106%	17.1	15.2	12.1%
Chi phí TC	9.35	11.6	-19.4%	46.0	32.2	42.9%
Chi phí lãi vay	9.14	11.6	-21.2%	45.8	32.2	42.4%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.14	0.75	-81.7%	8.55	9.96	-14.2%
Chi phí QLDN	9.12	8.72	4.6%	46.5	40.1	15.9%
LN thuần từ HĐKD	82.8	14.6	467%	266	243	9.8%
Lợi nhuận khác	-0.13	0.00		0.49	1.54	-68.4%
LN trước thuế	82.7	14.6	466%	267	244	9.3%
Lợi nhuận sau thuế	65.1	11.8	452%	219	197	10.9%
LNST của CĐ cty mẹ	65.1	11.8	452%	219	197	10.9%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	179	171	120	115	214	-7.73
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-484	-77.1	-95.5	-52.0	-466	-93.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	318	-159	-63.8	-40.5	290	1,174
Tiền đầu kỳ	252	266	201	162	184	222
Lưu chuyển tiền thuần	13.6	-64.7	-39.3	22.6	38.1	1,073
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	0	0.00	0	0.03	0
Tiền cuối kỳ	266	201	162	184	222	1,295

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	8,057	6,961	15.7%
Tài sản ngắn hạn	3,142	2,064	52.2%
Tiền và tương đương tiền	1,295	222	482%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.0	30.0	-33.3%
Phải thu ngắn hạn	71.5	67.3	6.2%
Hàng tồn kho	1,632	1,621	0.7%
Tài sản ngắn hạn khác	123	123	0.0%
Tài sản dài hạn	4,915	4,897	0.4%
Phải thu dài hạn	0.32	0.32	0.0%
Tài sản cố định	781	791	-1.3%
Bất động sản đầu tư	1,037	1,055	-1.7%
Tài sản dở dang	2,991	2,943	1.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	52.8	52.8	0.0%
Tài sản dài hạn khác	52.7	54.4	-3.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	5,086	5,224	-2.6%
Nợ ngắn hạn	1,421	1,789	-20.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	446	601	-25.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	224	268	-16.6%
Nợ dài hạn	3,665	3,434	6.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	2,228	2,067	7.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,971	1,737	71.0%
Vốn chủ sở hữu	2,971	1,737	71.0%
Vốn điều lệ	1,784	1,200	48.7%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

